TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 9 năm 2021
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân T1; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Lê Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Trần Xuân T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12-6-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 06 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Trần Xuân T1 có 01 con chung là cháu Trần Lê Xuân B, sinh ngày 08-9-2012. Vợ chồng ly thân, cháu B do anh T1 đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết

giao cháu B cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng.

Về chia T1 sản chung: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Trần Xuân T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Xuân T1 và chị Lê Thị Thu T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12-6-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 06 năm nay, anh T1 và chị T cũng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để về đoàn tụ nhưng không được. Do vậy, anh T1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh Trần Xuân T1 và chị Lê Thị Thu T có 01 con chung là cháu Trần Lê Xuân B, sinh ngày 08-9-2012. Vợ chồng ly thân, cháu B do anh T1 đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T1 thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu B cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị T cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng.

Về chia T1 sản chung: Anh Trần Xuân T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các T1 liệu, chứng cứ: 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 giấy khai sinh (bản sao); 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 01 một đơn xin không tổ chức hòa giải; 01 bản tự khai và 01 biên bản làm việc ngày 23-6-2021; 01 đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; 02 biên bản xác minh của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Trần Xuân T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 12-6-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị T và

anh T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng chị T và anh T1 thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 06 năm nay. Chị T yêu cầu ly hôn và anh T1 cũng đồng ý. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Trần Xuân T1 có 01 con chung là cháu Trần Lê Xuân B, sinh ngày 08-9-2012. Vợ chồng ly thân, cháu B do anh T1 đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T và anh T1 đều thống nhất giao cháu B cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng. Sự thống nhất của chị T và anh T1 cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T1 về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng.

[4] Về chia T1 sản chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Trần Xuân T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thu T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn và cũng là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu T và anh Trần Xuân T1.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Lê Thị Thu T và anh Trần Xuân T1 là cháu Trần Lê Xuân B, sinh ngày 08-9-2012 cho anh Trần Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã T niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có T1 sản để tự nuôi mình.

Buộc chị Lê Thị Thu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lê Xuân B, sinh ngày 08-9-2012 với mức 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn

đồng)/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã T niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có T1 sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Xuân T1 là người được nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lê Xuân B.

Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011966 ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Lê Thị Thu T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính